



BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TỔNG CÔNG TY BẢO ĐẢM
AN TOÀN HÀNG HẢI MIỀN NAM
Số: 309 /TBHH-TCTBĐATHHMN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 29 tháng 12 năm 2022

THÔNG BÁO HÀNG HẢI
Về thông số kỹ thuật của luồng hàng hải Vũng Tàu-Thị Vải

VTU - 65 - 2022

Vùng biển: Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Tên luồng: Luồng hàng hải Vũng Tàu - Thị Vải

Căn cứ bình đồ độ sâu ký hiệu từ VT-TV_2212_01 đến VT-TV_2212_13, tỷ lệ 1/5000 đo đạc hoàn thành tháng 12/2022, các số liệu liên quan do Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam cung cấp.

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam thông báo về thông số kỹ thuật của luồng hàng hải Vũng Tàu – Thị Vải như sau:

Trong phạm vi tuyến luồng hàng hải được giới hạn và hướng dẫn bởi hệ thống báo hiệu hàng hải (BHHH), độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” như sau:

1. Đoạn luồng từ phao BHHH số “0” đến hạ lưu Bến cảng Xăng dầu Petec Cái Mép có chiều dài 30,6 km, chiều rộng luồng nhỏ nhất 310 m như sau:

- Dải điểm độ sâu nằm bên phải luồng kéo dài từ phao BHHH số “1” – 440 m đến phao BHHH số “1” + 150 m, chiều dài khoảng 590 m, lần luồng xa nhất 13 m, độ sâu nhỏ nhất đạt 12,8 m nằm sát biên luồng.

- Xuất hiện điểm độ sâu 13,6 m tại vị trí có tọa độ:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
13,6	10°17'43,2"N	107°04'33,8"E	10°17'39,5"N	107°04'40,2"E

- Dải điểm độ sâu nằm bên phải luồng kéo dài từ phao BHHH số “5” – 650 m đến phao BHHH số “5” + 1050 m, chiều dài khoảng 1,7 km, lần luồng xa nhất 130 m, độ sâu đạt 11,3 m nằm sát biên luồng.

- Xuất hiện các điểm độ sâu 13,6 m; 13,8 m; 13,9 m tại vị trí có tọa độ:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
13,6	10°19'51,8"N	107°03'01,9"E	10°19'48,1"N	107°03'08,3"E
13,8	10°19'49,9"N	107°03'03,4"E	10°19'46,2"N	107°03'09,8"E
13,8	10°20'08,5"N	107°02'58,7"E	10°20'04,8"N	107°03'05,1"E
13,8	10°20'13,5"N	107°02'59,5"E	10°20'09,8"N	107°03'05,9"E
13,9	10°19'45,4"N	107°03'04,8"E	10°19'41,6"N	107°03'11,2"E
13,9	10°19'50,0"N	107°03'04,0"E	10°19'46,3"N	107°03'10,4"E
13,9	10°20'06,7"N	107°03'02,2"E	10°20'03,0"N	107°03'08,6"E

13,9	10°20'10,8"N	107°02'58,7"E	10°20'07,1"N	107°03'05,1"E
------	--------------	---------------	--------------	---------------

- Dải điểm độ sâu nằm bên trái luồng kéo dài từ phao BHHH số "12" + 1230 m đến phao BHHH số "14" + 280 m, chiều dài khoảng 1,8 km, lần luồng xa nhất 30 m, độ sâu đạt 13,5 m nằm sát biên luồng.

- Dải điểm độ sâu nằm bên phải luồng kéo dài từ phao BHHH số "15" - 550 m đến phao BHHH số "19" + 490 m, chiều dài khoảng 4,6 km, lần luồng xa nhất 107 m, độ sâu đạt 12,4 m nằm sát biên luồng.

- Dải điểm độ sâu nằm bên trái luồng kéo dài từ phao BHHH số "16" - 500 m đến phao BHHH số "16" + 260 m, chiều dài khoảng 760 m, lần luồng xa nhất 60 m, độ sâu nhỏ nhất đạt 13,4 m nằm sát biên luồng.

- Dải điểm độ sâu nằm bên trái luồng kéo dài từ phao BHHH "26" - 80 m đến hạ lưu Bến cảng Xăng dầu Petec Cái Mép, chiều dài khoảng 76 m, lần luồng xa nhất 80 m, độ sâu đạt 13,2 m nằm sát biên luồng.

Ngoài điểm độ sâu, dải điểm độ sâu nêu trên độ sâu đoạn luồng này đạt 14,0 m.

2. Đoạn luồng từ hạ lưu Bến cảng Xăng dầu Petec Cái Mép đến thượng lưu Bến cảng Tổng hợp Thị Vải (ODA) có chiều dài 7,5 km, chiều rộng luồng 310 m (nhỏ nhất 260 m) như sau:

- Dải điểm độ sâu nằm bên trái luồng kéo dài từ phao BHHH số "32" + 440 m đến phao BHHH số "34" - 290 m, chiều dài khoảng 310 m, lần luồng xa nhất 30 m, độ sâu đạt 11,2 m.

- Xuất hiện các điểm độ sâu 11,8 m; 11,9 m tại vị trí có tọa độ:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
11,8	10°32'58,3"N	107°00'59,8"E	10°32'54,6"N	107°01'06,3"E
11,9	10°32'56,4"N	107°01'04,4"E	10°32'52,8"N	107°01'10,9"E

- Dải điểm độ sâu nằm bên phải luồng kéo dài từ phao BHHH số "35" - 48 m đến phao BHHH số "37" + 200 m, chiều dài khoảng 1,5 km, lần luồng xa nhất 96 m, độ sâu đạt 7,4 m nằm sát biên luồng.

- Dải điểm độ sâu nằm bên trái luồng kéo dài từ phao BHHH số "42" + 145 m đến phao BHHH số "44", chiều dài khoảng 0,5 km, lần luồng xa nhất 122 m, độ sâu đạt 7,9 m nằm sát biên luồng.

- Trong phạm vi vũng quay trở tàu được giới hạn bởi đường tròn có đường kính D = 500 m (tại khu nước phía trước nhà máy đóng tàu Ba Son), độ sâu đạt 13,1 m.

Ngoài các điểm độ sâu, dải điểm độ sâu nêu trên độ sâu đoạn luồng này đạt 12,0 m.

3. Đoạn luồng từ thượng lưu Bến cảng Tổng hợp Thị Vải (ODA) đến thượng lưu Bến cảng Quốc tế Sài Gòn Việt Nam (SITV) có chiều dài 2,8 km, chiều rộng đáy luồng nhỏ nhất 220 m như sau:

- Dải điểm độ sâu nằm bên trái luồng kéo dài từ phao BHHH số “44” đến phao BHHH số “48” -170 m, chiều dài khoảng 420 m, lún luồng xa nhất 76 m, độ sâu đạt 6,0 m nằm sát biên luồng.

- Dải điểm độ sâu nằm bên trái luồng kéo dài từ phao BHHH số “48”+1190 m đến thượng lưu Bến cảng Quốc tế Sài Gòn Việt Nam (SITV), chiều dài khoảng 420 m, lún luồng xa nhất 25 m, độ sâu đạt 8,3 m.

Ngoài các điểm độ sâu, dải điểm độ sâu nêu trên độ sâu đoạn luồng này đạt 12,0 m.

4. Đoạn luồng từ thượng lưu Bến cảng Quốc tế Sài Gòn Việt Nam (SITV) đến hết vũng quay trở tàu phía thượng lưu Bến cảng Vedan Phước Thái có chiều dài 9,6 km, chiều rộng đáy luồng nhỏ nhất 90 m như sau:

- Xuất hiện các điểm độ sâu 6,1 m; 6,2 m; 6,5 m; 6,8 m; 6,9 m tại vị trí có tọa độ:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
6,1	10 ⁰ 39’42,8”N	107 ⁰ 00’38,5”E	10 ⁰ 39’39,1”N	107 ⁰ 00’44,9”E
6,2	10 ⁰ 39’43,0”N	107 ⁰ 00’37,2”E	10 ⁰ 39’39,3”N	107 ⁰ 00’43,6”E
6,2	10 ⁰ 39’42,3”N	107 ⁰ 00’36,9”E	10 ⁰ 39’38,6”N	107 ⁰ 00’43,3”E
6,5	10 ⁰ 39’40,0”N	107 ⁰ 00’50,6”E	10 ⁰ 39’36,3”N	107 ⁰ 00’57,0”E
6,5	10 ⁰ 38’45,3”N	107 ⁰ 00’37,9”E	10 ⁰ 38’41,7”N	107 ⁰ 00’44,4”E
6,8	10 ⁰ 39’29,7”N	107 ⁰ 00’55,3”E	10 ⁰ 39’26,1”N	107 ⁰ 01’01,7”E
6,8	10 ⁰ 39’31,5”N	107 ⁰ 00’55,1”E	10 ⁰ 39’27,9”N	107 ⁰ 01’01,5”E
6,8	10 ⁰ 39’32,6”N	107 ⁰ 00’54,5”E	10 ⁰ 39’29,0”N	107 ⁰ 01’01,0”E
6,9	10 ⁰ 39’38,9”N	107 ⁰ 00’49,4”E	10 ⁰ 39’35,2”N	107 ⁰ 00’55,8”E

- Trong phạm vi vũng quay trở tàu được giới hạn bởi đường tròn có đường kính D = 250 m (tại khu nước phía thượng lưu bến cảng Vedan Phước Thái), độ sâu đạt 5,1 m.

Ngoài các điểm độ sâu, dải điểm độ sâu nêu trên độ sâu đoạn luồng này đạt 7,2 m.

5. Đoạn luồng từ vũng quay trở tàu rộng 250 m về phía thượng lưu có chiều dài 3,5 km, chiều rộng đáy luồng nhỏ nhất 90 m, tuyến luồng tận dụng độ sâu tự nhiên có tọa độ tìm tuyến xác định theo bảng sau:

Tìm tuyến	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
T1	10 ⁰ 39’50,5”N	107 ⁰ 00’17,7”E	10 ⁰ 39’46,8”N	107 ⁰ 00’24,2”E
T2	10 ⁰ 39’56,5”N	107 ⁰ 00’03,5”E	10 ⁰ 39’52,8”N	107 ⁰ 00’09,9”E
T3	10 ⁰ 40’03,8”N	106 ⁰ 59’56,3”E	10 ⁰ 40’00,1”N	107 ⁰ 00’02,7”E
T4	10 ⁰ 40’18,5”N	106 ⁰ 59’50,5”E	10 ⁰ 40’14,8”N	106 ⁰ 59’56,9”E
T5	10 ⁰ 40’18,5”N	106 ⁰ 59’42,2”E	10 ⁰ 40’14,8”N	106 ⁰ 59’48,7”E
T6	10 ⁰ 40’06,9”N	106 ⁰ 59’34,4”E	10 ⁰ 40’03,2”N	106 ⁰ 59’40,8”E
T7	10 ⁰ 40’07,3”N	106 ⁰ 59’25,3”E	10 ⁰ 40’03,7”N	106 ⁰ 59’31,8”E

Tầm tuyến	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
T8	10 ⁰ 40'15,5"N	106 ⁰ 59'22,3"E	10 ⁰ 40'11,8"N	106 ⁰ 59'28,8"E

- Xuất hiện các điểm độ sâu 4,9 m; 5,7 m; 6,3 m; 6,6 m tại vị trí có tọa độ:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
4,9	10 ⁰ 40'08,2"N	106 ⁰ 59'23,9"E	10 ⁰ 40'04,5"N	106 ⁰ 59'30,3"E
4,9	10 ⁰ 40'19,3"N	106 ⁰ 59'41,0"E	10 ⁰ 40'15,6"N	106 ⁰ 59'47,4"E
5,7	10 ⁰ 40'09,0"N	106 ⁰ 59'24,3"E	10 ⁰ 40'05,3"N	106 ⁰ 59'30,7"E
6,3	10 ⁰ 40'09,1"N	106 ⁰ 59'52,9"E	10 ⁰ 40'05,5"N	106 ⁰ 59'59,3"E
6,6	10 ⁰ 40'06,7"N	106 ⁰ 59'53,8"E	10 ⁰ 40'03,0"N	107 ⁰ 00'00,2"E

Ngoài các điểm độ sâu nêu trên độ sâu đoạn luồng này đạt 6,9 m.

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI

Tàu thuyền hành hải trên luồng hàng hải Vũng Tàu - Thị Vải căn cứ thông báo hàng hải, bình đồ độ sâu để có biện pháp hàng hải an toàn. Lưu ý các điểm độ sâu, dải điểm độ sâu và tuyệt đối tuân thủ sự điều động của Cảng vụ hàng hải Vũng Tàu, Cảng vụ hàng hải Đồng Nai để đảm bảo an toàn hàng hải. /.

Nơi nhận:

- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu;
- Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai;
- Xí nghiệp Hoa tiêu Vũng Tàu;
- Cty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng;
- Cty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực IX;
- Cty TNHH MTV Thông tin điện tử Hàng hải Việt Nam;
- Lãnh đạo Tổng công ty BĐATHH miền Nam;
- website www.vms-south.vn;
- Các phòng: KT-KH, HTQT&QLHT;
- Lưu: VT-VP, P. ATHH^{Nhiên}.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Đinh Thái Công

Danh sách nơi nhận kèm theo

- 1 Bộ Tư lệnh Hải quân
- 2 Cục Đường thủy nội địa Việt Nam
- 3 Chi Cục Đường thủy nội địa phía Nam
- 4 Cục Cảnh sát biển
- 5 Chi Cục đường sông phía Nam
- 6 Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
 - XNLD Dầu khí Vietsovpetro (VSP)
 - Tổng Cty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC)
 - Tổng Cty Thăm dò khai thác Dầu khí (PVEP)
 - Tổng Cty Vận tải Dầu khí (PVTrans)
 - Cty CP Vận tải SP Khí quốc tế (Gas shipping)
 - Trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu KV miền Nam
- 7 Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam
- 8 Tổng Cty Hàng hải Việt Nam
 - Cty Vận tải Biển Đông (BISCO)
 - Cty Vận tải biển Container Vinalines (VCSC)
 - Cty Vận tải biển Vinalines (VLC)
 - Cty CP Hàng hải Đông Đo (Dong Do MARINE)
 - Cty CP Vận tải biển & Hợp tác LĐ Quốc tế (INLACO SAIGON)
 - Công ty CP hàng hải Vinalines Nha Trang
- 9 Đại lý Hàng hải Sài Gòn (Vosa Sài Gòn)
- 10 Đài tiếng nói nhân dân Tp. Hồ Chí Minh
- 11 Đài thông tin Duyên hải Tp. Hồ Chí Minh
- 12 Công ty Vận tải biển VN (VOSCO)
- 13 Bộ đội biên phòng tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- 14 Công ty Vận tải biển III (VINASHIP)
- 15 Cty Vận tải và thuê tàu biển VN (Vitranchart)
- 16 Cty Vận tải xăng dầu đường biển
- 17 Cty Vận tải Thủy Bắc
- 18 Cty VT và cung ứng xăng dầu đường thủy I
- 19 Cty Vận tải biển Sài Gòn
- 20 Trường Cao đẳng nghề Hàng hải TP.HCM
- 21 Cảng Sài Gòn
- 22 Trường Đại học GTVT TP.HCM
- 23 XN Tàu dịch vụ dầu khí
- 24 XN Liên doanh dầu khí Việt Xô
- 25 XN Trục Vớt Cứu Hộ Vận Tải I
- 26 CN1 – Công ty CP Trục vớt Cứu hộ Việt Nam
- 27 Đài thông tin Duyên hải Vũng Tàu
- 28 Bộ đội biên phòng tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu,
- 29 Bộ đội biên phòng tỉnh Đồng Nai
- 30 Sở GTVT, Sở NN&PTNT các tỉnh:
Bà Rịa – Vũng Tàu
Đồng Nai
- 31 Cty Bảo đảm an toàn hàng hải Đông Nam Bộ
- 32 Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam

179C
ĐA
IGH
M
RIAV

